CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tân Phú Việt Nam

Ngày 30/09/2025	11,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.5%	**17.1%**	**14.8%**

DT thuần
Q3/25
738
tỷ VNĐ
QoQ: ▼121| -14.1%
YoY: ▼5.00| -0.7%

LN thuần
Q3/25
48.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.4| 57.0%
YoY: ▲ 36.0| 300%

LN sau thuế
Q3/25
39.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.9| 59.9%
YoY: ▲ 30.2| 313%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
10.5%
YoY: +/-▲ 3.1%

ROE (TTM)
Q3/25
15.6%
YoY: +/-▲ 4.7%

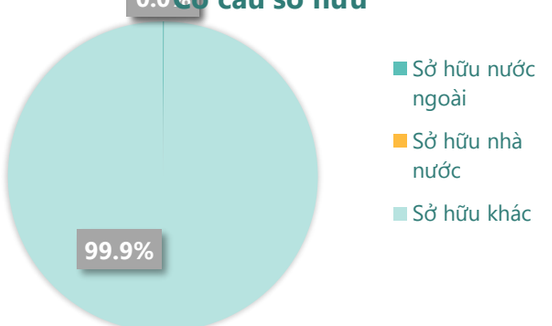
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,874 - 12,058
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	509
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	338,475
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.41
EPS	2,015
P/E	5.6

DT thuần
9T 2025
2,350
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 89.0| 3.9%

LN thuần
9T 2025
90.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 63.7| 236%

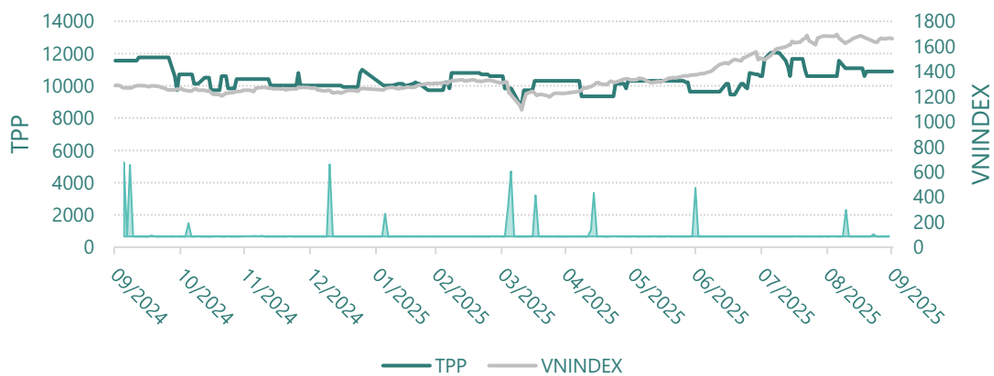
LN sau thuế
9T 2025
70.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 49.1| 225%

Cơ cấu sở hữu

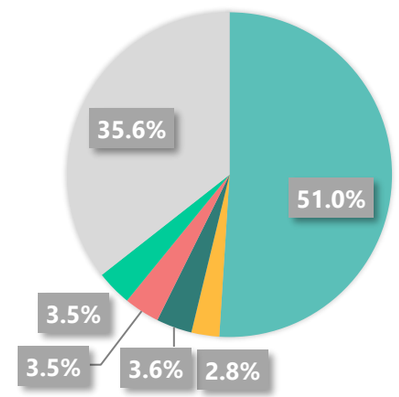


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



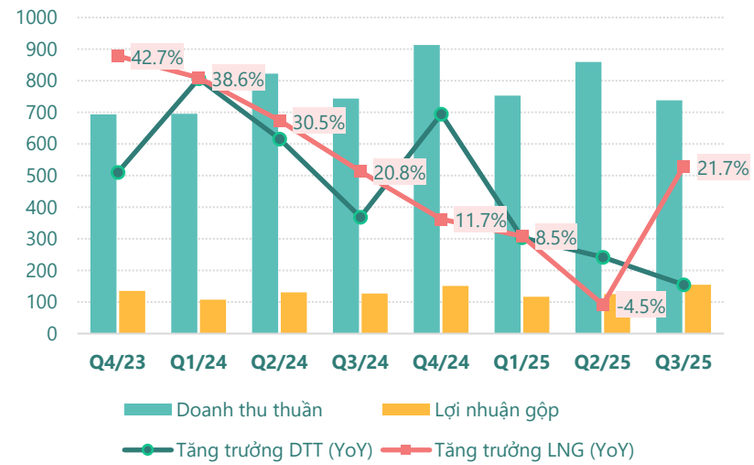
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

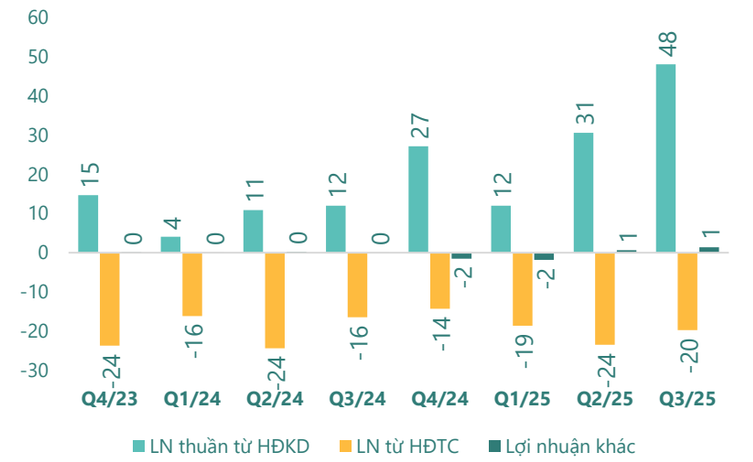
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



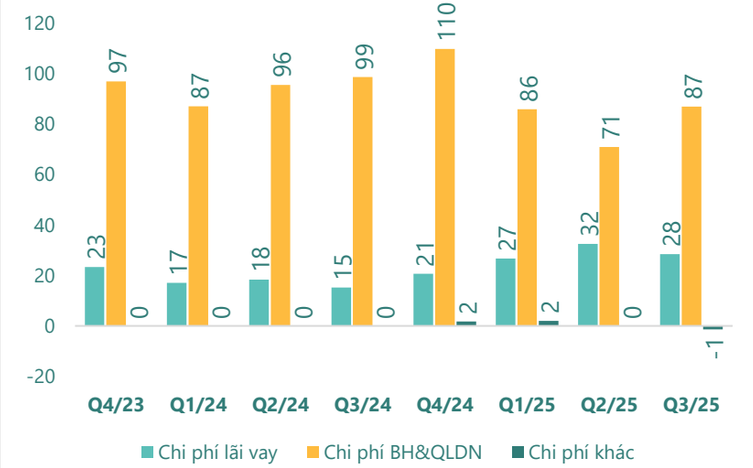
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



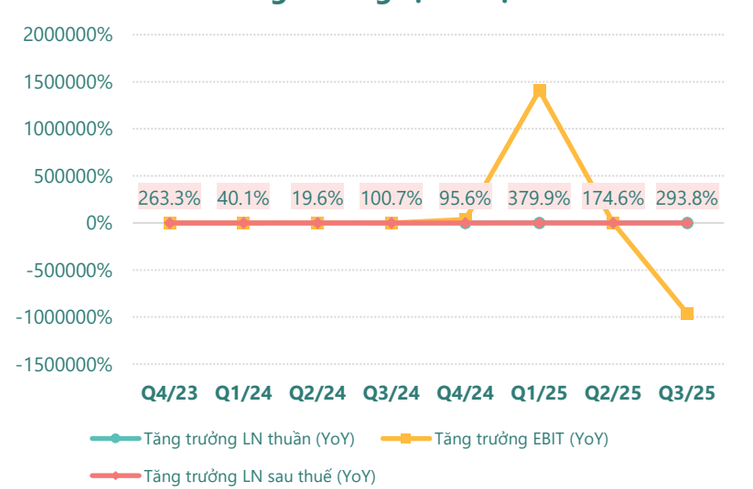
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



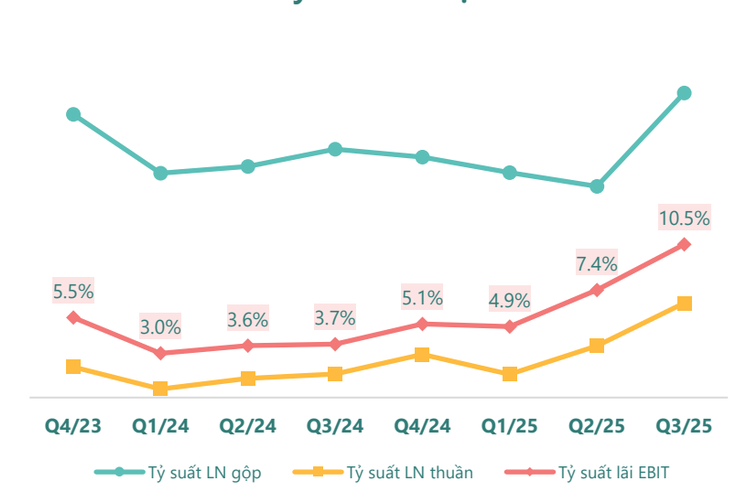
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



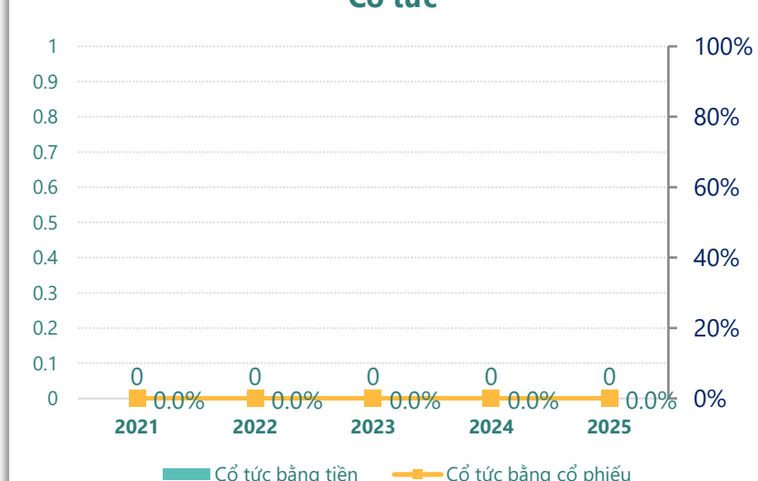
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

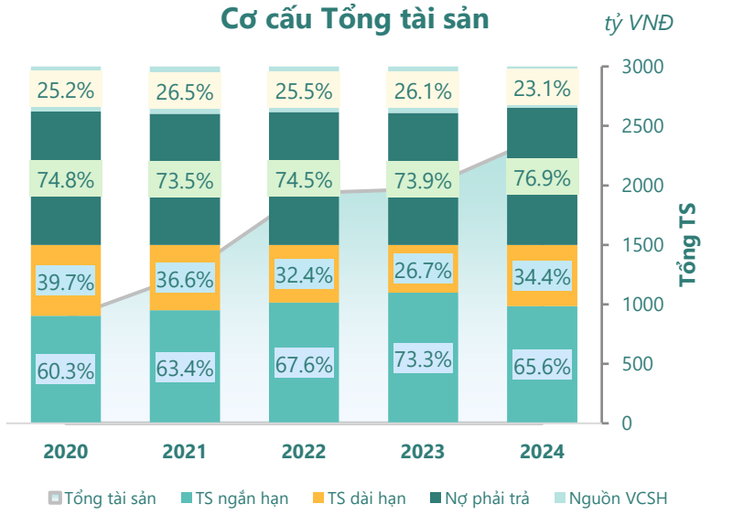
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

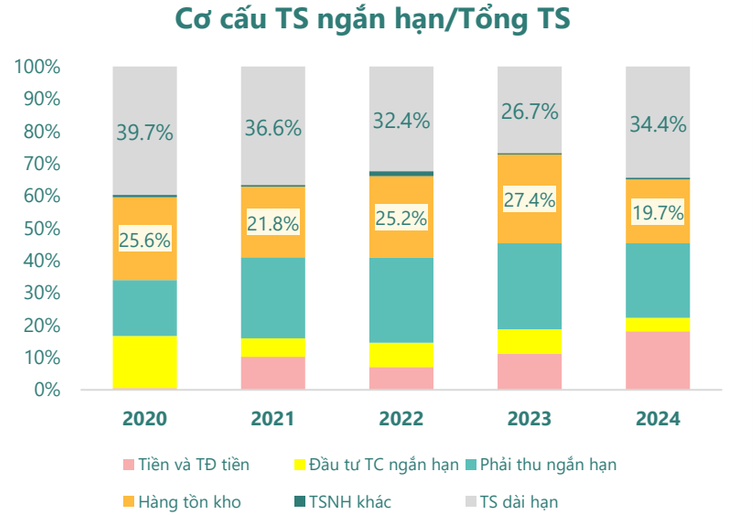
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



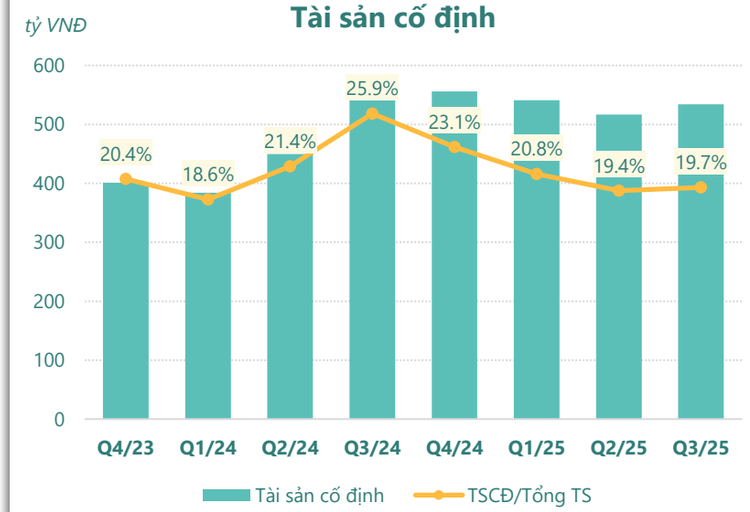
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



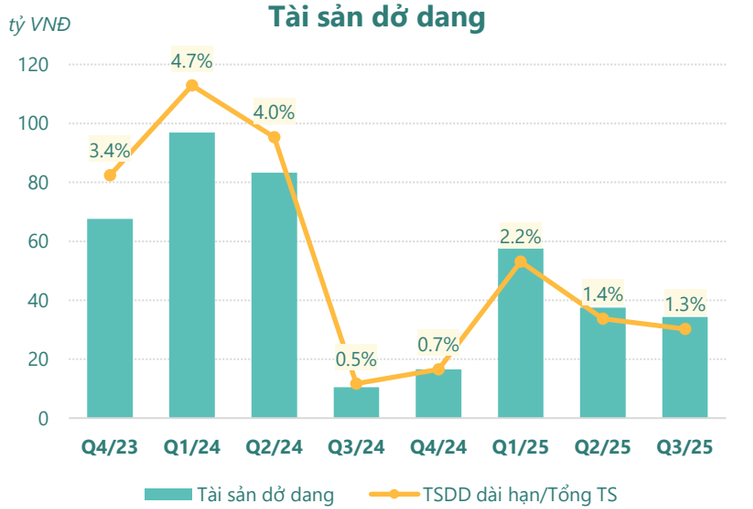
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



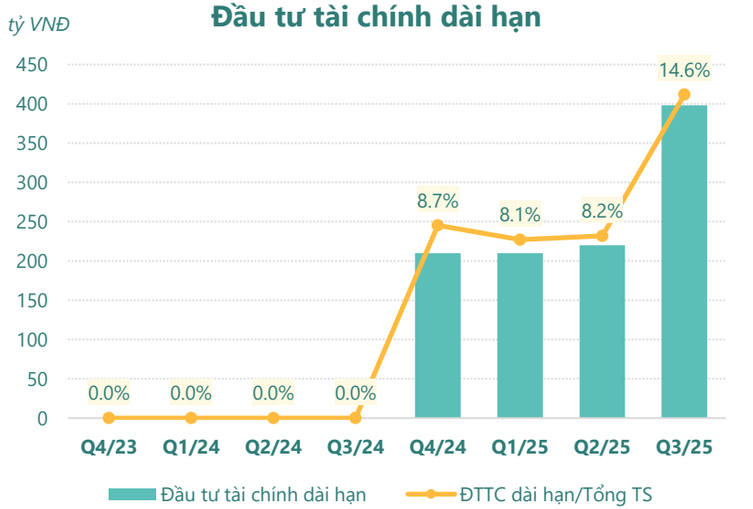
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



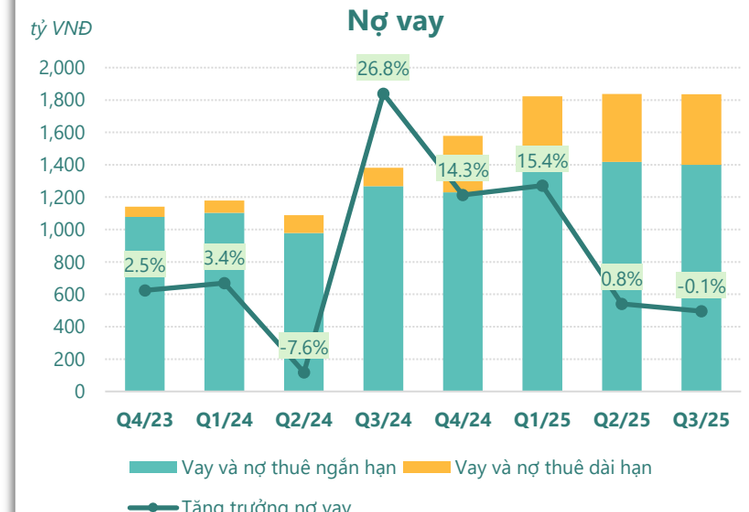
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

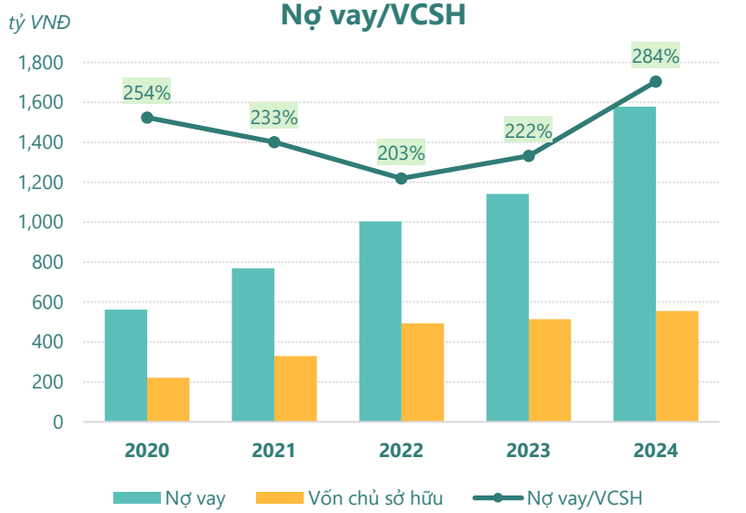
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

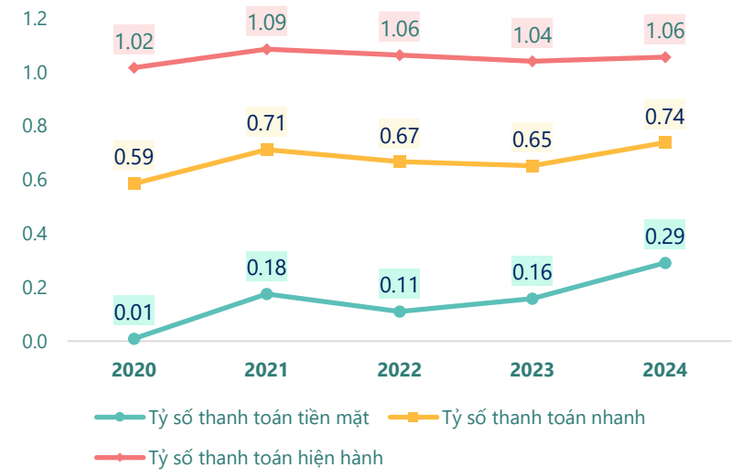
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



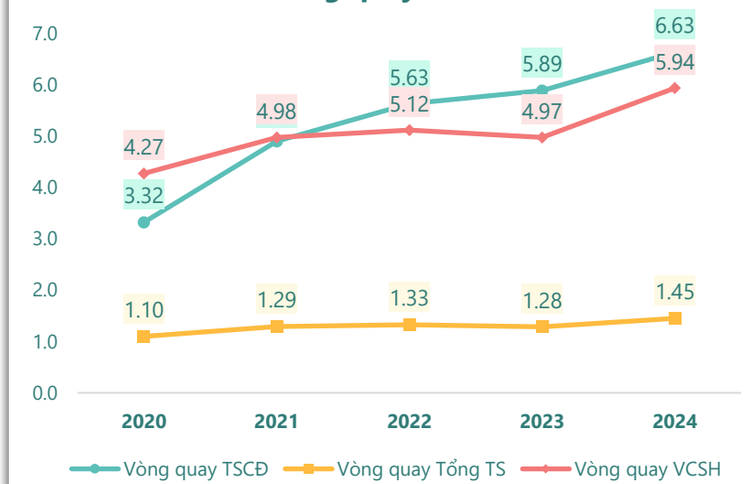
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



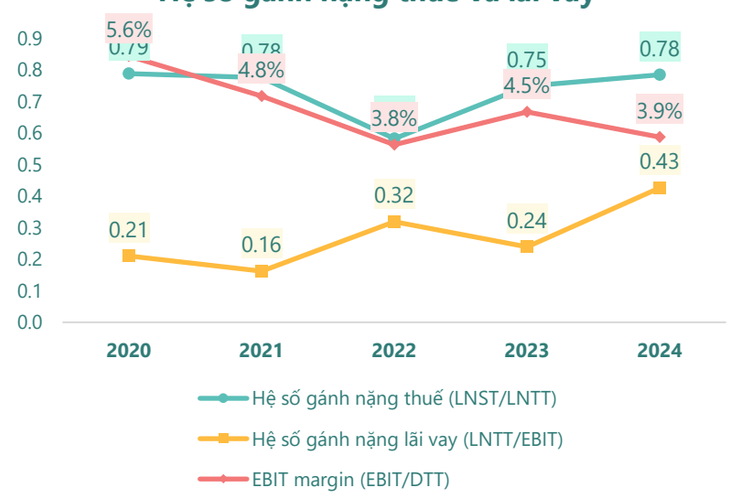
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



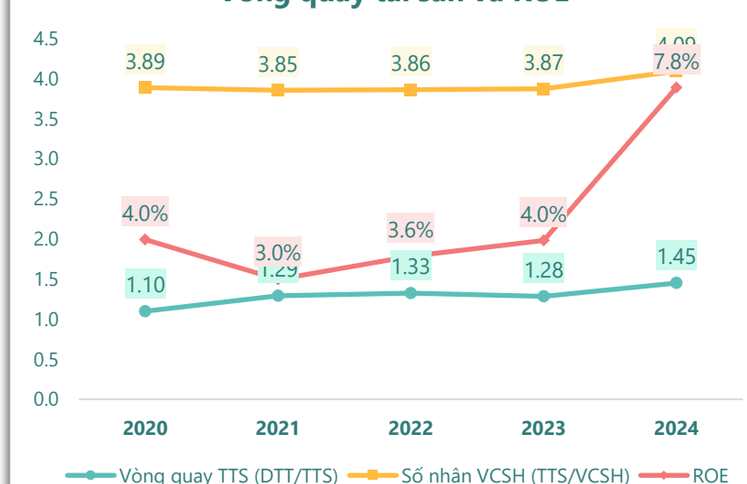
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



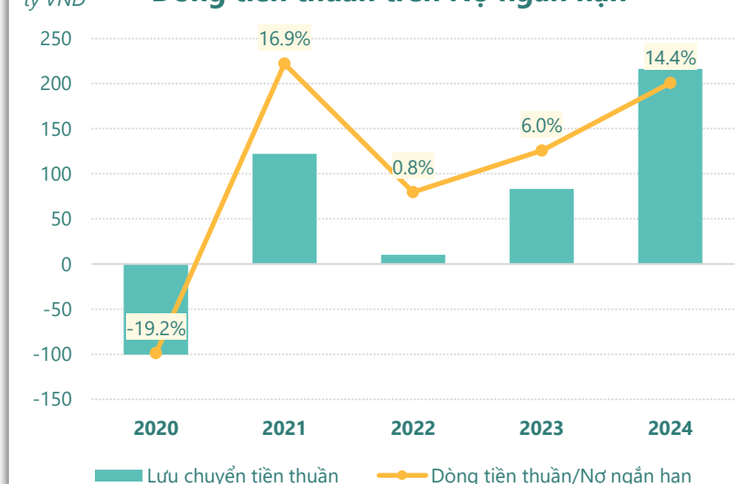
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**738**	**743**	**-0.7%**	**2,350**	**2,261**	**3.9%**
Giá vốn hàng bán	583	616	-5.4%	1,953	1,895	3.1%
Lợi nhuận gộp	155	127	21.9%	396	366	8.4%
Doanh thu HĐTC	11.3	9.51	18.3%	32.6	26.0	25.0%
Chi phí TC	31.0	26.0	19.3%	94.4	83.1	13.7%
Chi phí lãi vay	28.4	15.3	85.9%	87.6	50.7	73.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	65.1	73.6	-11.5%	179	214	-16.7%
Chi phí QLDN	**21.9**	**25.1**	**-12.7%**	**65.5**	**67.4**	**-2.9%**
LN thuần từ HĐKD	48.0	12.0	300%	90.6	26.9	236%
Lợi nhuận khác	**1.37**	**0.06**	**2179%**	**0.13**	**0.41**	**-68.4%**
LN trước thuế	49.4	12.1	308%	90.7	27.4	232%
Lợi nhuận sau thuế	**39.8**	**9.63**	**313%**	**70.9**	**21.8**	**225%**
LNST của CĐ cty mẹ	**39.8**	**9.63**	**313%**	**70.9**	**21.8**	**225%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	244	-338	303	-174	-24.6	7.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.8	-223	-89.3	-81.0	55.9	-238
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-90.2	292	197	-72.2	331	-1.69
Tiền đầu kỳ	129	295	25.0	436	109	471
Lưu chuyển tiền thuần	**165**	**-270**	**411**	**-327**	**362**	**-232**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.23	0	0.05	0	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	295	25.0	436	109	471	239

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,718**	**2,408**	**12.9%**
Tài sản ngắn hạn	1,706	1,580	7.9%
Tiền và tương đương tiền	239	436	-45.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	83.6	99.5	-16.0%
Phải thu ngắn hạn	688	556	23.6%
Hàng tồn kho	670	475	41.1%
Tài sản ngắn hạn khác	25.2	13.2	90.4%
Tài sản dài hạn	**1,013**	**828**	**22.2%**
Phải thu dài hạn	21.5	18.9	13.9%
Tài sản cố định	534	556	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	34.3	16.6	107%
Đầu tư tài chính dài hạn	398	210	89.5%
Tài sản dài hạn khác	**24.6**	**27.1**	**-9.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,092	1,853	12.9%
Nợ ngắn hạn	**1,648**	**1,496**	**10.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,399	1,230	13.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	141	147	-4.5%
Nợ dài hạn	444	357	24.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	436	348	25.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**626**	**556**	**12.8%**
Vốn chủ sở hữu	**626**	**556**	**12.8%**
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)